

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HỒ QUÝ NHÂN

**GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP
CẬN DỊCH VỤ GIÁO DỤC CHO TRẺ EM NGHÈO
TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển
Mã số: 60.31.05**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. NGUYỄN HIỆP**

Phản biện 1: **PGS.TS. BÙI QUANG BÌNH.**

Phản biện 2: **TS. ĐOÀN HỒNG LÊ.**

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 01 tháng 12 năm 2011.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đã trải qua hai thập kỷ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và vừa đạt được vị thế “quốc gia có thu nhập trung bình thấp” vào năm 2009. Đi cùng với tăng trưởng kinh tế là tỷ lệ nghèo giảm mạnh trong toàn quốc. Tỷ lệ giảm đói nghèo đã đưa Việt Nam vào trong số các nước đứng đầu về giảm đói nghèo trong thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI. Việt Nam cũng đạt được chỉ số phát triển con người ở mức trung bình mặc dù là một nước rất nghèo. Nằm trong bối cảnh chung của cả nước, trong thập niên vừa qua, tỉnh Quảng Ngãi cũng đã có những bước phát triển vượt bậc. Mức tăng trưởng bình quân GDP giai đoạn giai đoạn 2001 - 2005 đạt ở mức 10,3%; 2006 - 2010 đạt ở mức 18,66%. Thu nhập bình quân đầu người (GDP): năm 1995 là 170 USD, năm 2000 là 192 USD, đến năm 2005 là 325 USD và năm 2010 đạt 1.228 USD. Tỉnh Quảng Ngãi cần tận dụng các cơ hội hiện nay để phát huy những thành công này, kết cấu hạ tầng đang dần được cải thiện để Quảng Ngãi có thể tập trung vào việc tăng cường và nâng cao các dịch vụ xã hội cơ bản và sự tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ đó.

Tuy nhiên, một số khó khăn và thách thức đã trở nên ngày càng rõ nét hơn trong những năm qua. Sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, đồng bằng và miền núi, giữa các nhóm dân cư tính theo hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đang tăng trong khi khoảng cách về các chỉ tiêu xã hội vẫn còn lớn. Một vấn đề ngày càng trở nên rõ ràng là những cơ chế hiện hành nhằm đảm bảo sự tiếp cận của người nghèo với các dịch vụ xã hội và mạng lưới an sinh xã hội hoạt động không

hiệu quả. Hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản và mạng lưới an sinh xã hội chính thức còn bỏ sót đối tượng. Chất lượng của các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có giáo dục vẫn còn thấp. Mức đầu tư cho giáo dục tuy đã tăng đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn. Những khó khăn về điều kiện tự nhiên và tập quán sinh hoạt, điều kiện sống với mức thu nhập thấp và không tăng lên trong thời gian qua của những hộ nghèo trong khi chỉ số giá sinh hoạt tăng cao, chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi cũng là những trở ngại lớn đối với việc tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo. Trong một số trường hợp, các dịch vụ xã hội cơ bản, trong đó có giáo dục không được đầu tư đúng mức so với các dịch vụ không cơ bản. Tất cả những vấn đề nêu trên đều cho thấy tỉnh Quảng Ngãi cần phải tăng cường hơn nữa các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo cả về phạm vi đối tượng và chất lượng của các dịch vụ. Có ba vấn đề trong việc tiếp cận đến các giáo dục:

Thứ nhất, đó là sự tiếp cận không đồng đều tới dịch vụ giáo dục và sự khác nhau đáng kể về các chỉ số đánh giá. Phạm vi đối tượng của dịch vụ giáo dục chưa bao trùm hết bộ phận cư dân nghèo nhất, còn tốc độ giảm nghèo đã có xu hướng chậm lại trong khi bất bình đẳng kinh tế, xã hội gia tăng.

Thứ hai, khả năng trang trải các chi phí cho dịch vụ giáo dục của hộ nghèo cho trẻ em nghèo còn thấp và thực tế đang có xu hướng giảm xuống. Lý do chính trong lĩnh vực giáo dục là chi phí đi học

trực tiếp và gián tiếp càng làm tăng khoảng cách tiếp cận đến dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo (đặc biệt đối với trung học cơ sở hoặc cao hơn).

Thứ ba, chất lượng của dịch vụ giáo dục thấp, chẳng hạn tỷ lệ bỏ học và lưu ban trong trường tiểu học tương đối cao, trong khi tỷ lệ nhập học đã được cải thiện đáng kể. Những ví dụ như thế đã cho thấy trong nhiều trường hợp chất lượng dịch vụ giáo dục còn ở mức thấp và việc cải thiện nó chậm hơn so với việc mở rộng các phạm vi đối tượng.

Trong bối cảnh như vậy thì lại có những thay đổi kinh tế – xã hội nhanh chóng. Việc cải thiện chất lượng của các dịch vụ y tế và giáo dục không những nâng cao đời sống của người dân mà còn tăng cường sức cạnh tranh của nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi và có tác động đáng kể đối với hoạt động kinh tế của tỉnh trong tương lai. Xuất phát từ những điều này, tôi đã lựa chọn đề tài: “Giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi”.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu như sau:

- Khái quát hóa được các vấn đề chung về nghèo, dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo, nội dung, các chỉ tiêu đánh giá và các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận dịch vụ của trẻ em nghèo.
- Đánh giá đầy đủ về thực trạng nghèo, khả năng tiếp cận dịch

vụ giáo dục của trẻ em nghèo và các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổng quan các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo ở tỉnh Quảng Ngãi.

- Đánh giá tổng quan về nghèo đói và khả năng tiếp cận giáo dục cho trẻ em nghèo ở tỉnh Quảng Ngãi.

- Đề xuất các giải pháp khả thi và thiết thực tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Các biểu hiện của khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi và các nhân tố tác động đến biểu hiện này.

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài tập trung vào việc nghiên cứu tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo ở các cấp học: mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ở tỉnh Quảng Ngãi.

- Phạm vi thời gian: Đề tài nghiên cứu về khả năng tiếp cận của trẻ em nghèo từ 2000.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp tổng hợp và phân tích: Tổng hợp và xử lý các số liệu thống kê đã được công bố và phân tích thực trạng tiếp cận dịch vụ giáo dục của người nghèo trên phạm vi tỉnh Quảng Ngãi.

- Phương pháp hồi cứu: Trong nghiên cứu có tham khảo và sử dụng kết quả ĐTMSHGĐ trong giai đoạn 2000 - 2010 do Cục Thống kê tỉnh thực hiện và kết quả điều tra hộ nghèo hàng năm do Sở LĐ - TB và XH và các huyện, thành phố thực hiện; số liệu của các điều tra

do ngành GD&ĐT và Ban Dân tộc tỉnh tiến hành.

6. Kết cấu Đề tài

Ngoài các phần mở đầu, kết luận và tài liệu, đề tài bao gồm 3 chương: Chương 1 nêu một cách ngắn gọn những vấn đề chung về khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo, trong đó tập trung phân tích các chỉ tiêu thường được dùng để đo lường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em và các nhân tố tác động đến các chỉ tiêu này. Trên cơ sở đó, Chương 2 phân tích khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi. Chương 3 tập trung phân tích nhằm đưa ra các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi.

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM NGHÈO

1.1. Một số vấn đề cơ bản về giáo dục và nghèo

1.1.1. Khái niệm và vai trò của giáo dục đối với phát triển kinh tế

1.1.1.1. Khái niệm giáo dục

Giáo dục là việc truyền kinh nghiệm của thế hệ đi trước cho thế hệ đi sau, và đối tượng giáo dục là thế hệ trẻ; các loại hình giáo dục ngày càng được tổ chức một cách linh hoạt và đa dạng, sự phân công giữa các tổ chức xã hội trong hoạt động giáo dục cũng như trong nội bộ ngành giáo dục cũng đang ngày càng cơ động đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của con người.

1.1.1.2. Vai trò giáo dục đối với phát triển kinh tế

Như vậy giáo dục có vai trò quan trọng đối với việc tạo ra tri thức mà tri thức lại là công cụ sản xuất duy nhất không tuân theo quy luật năng suất cận biên giảm dần. Giáo dục là trọng tâm của quá trình phát triển. Giáo dục giúp cho con người phát triển sử dụng và tăng cường được năng lực; giúp họ có được cuộc sống khỏe mạnh và hữu ích hơn; và có khả năng quyết định và tham gia vào quá trình biến đổi của bản thân họ và của cả xã hội.

1.1.2. Nghèo và trẻ em nghèo

1.1.2.1. Khái niệm về nghèo và trẻ em nghèo

❖ *Khái niệm về nghèo:*

Đói nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương.

❖ *Khái niệm trẻ em nghèo:*

Theo Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 của Việt Nam, trẻ em là công dân Việt Nam dưới 16 (mười sáu) tuổi (Điều 1). Vậy trẻ em nghèo là những công dân dưới 16 tuổi thuộc diện nghèo.

Trong đề tài này, tác giả chỉ đánh giá tình trạng trẻ em nghèo theo quan điểm thứ nhất, tức là thông qua đánh giá tình trạng hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập hoặc mức chi tiêu để xác định.

1.1.2.2. Các chỉ tiêu để đánh giá nghèo

Theo chuẩn của Bộ LĐ-TB&XH đưa ra thì ngưỡng nghèo ở nước ta xác định theo mức thu nhập bình quân đầu người trong hộ gia đình ở từng khu vực cho từng giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 – 2010.

1.1.3. Vai trò của các dịch vụ giáo dục đối với người nghèo và vấn đề giảm nghèo

Giáo dục có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế và giảm đói nghèo.

1.2. Quan niệm và nội dung tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo

1.2.1. Khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo

Khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục là việc tiếp cận tới dịch vụ giáo dục một cách dễ dàng, không có những rào cản trong điều kiện và khả năng khác nhau của người học.

1.2.2. Các chỉ tiêu đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo

Khi đánh giá khả năng tiếp cận *giáo dục* của trẻ em nghèo, để

có thể hình dung rõ ràng khả năng tiếp cận dịch vụ này đối với trẻ em nghèo, cần phải so sánh với khả năng tiếp cận của nhóm không nghèo. Đánh giá khả năng tiếp cận *giáo dục* có thể sử dụng các chỉ tiêu trong bảng sau đây:

Bảng 1.3: Các chỉ tiêu đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo

	Tỷ lệ được đi học đúng tuổi (D)	Tỷ lệ bỏ học (B)
Mầm non	Số đi học nhà trẻ đúng tuổi Số 6 tháng-3 tuổi Số đi học mẫu giáo đúng tuổi Số 4-5 tuổi	NA
Tiểu học	Số đi học tiểu học đúng tuổi Số 6-10 tuổi	Số bỏ học ở cấp tiểu học Số đi học tiểu học đúng tuổi
Trung học cơ sở	Số đi học THCS đúng tuổi Số 11-14 tuổi	Số bỏ học ở cấp THCS Số đi học THCS đúng tuổi
Trung học phổ thông	Số đi học THPT đúng tuổi Số 15-17 tuổi	Số bỏ học ở cấp THPT Số đi học THPT đúng tuổi

Nguồn: PGS. TS Nguyễn Văn Cầu, Nâng cao khả năng tiếp cận giáo dục cho người nghèo, Tạp chí kinh tế phát triển tháng 11 năm 2006.

Để đánh giá khả năng tiếp cận *giáo dục*, có thể sử dụng các phương pháp so sánh như sau:

Thứ nhất, so sánh trực tiếp các tỷ lệ trên giữa nhóm nghèo và không nghèo để thấy rõ khả năng tiếp cận giáo dục của nhóm trẻ em nghèo so với nhóm trẻ em không nghèo.

Thứ hai, sử dụng phương pháp đường cong Lorenz để đánh giá mức độ công bằng trong khả năng tiếp cận giáo dục giữa nhóm trẻ em nghèo và không nghèo.

Thứ ba, có thể so sánh chỉ số đánh giá khả năng tiếp cận giáo dục của nhóm trẻ em nghèo và không nghèo (EAAI).

Ngoài ra để đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho người nghèo, các tổ chức quốc tế còn đánh giá mức độ chênh lệch giữa các vùng/nhóm dân cư về tình trạng giáo dục được thể hiện thông qua việc tính toán chỉ số PAR (Population Antributable Risk - tức là sự rủi ro gắn với dân số).

1.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo

Các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo chia thành hai nhóm yếu tố cơ bản là: các nhân tố su phạm và các nhân tố ngoài su phạm.

1.2.3.1. Các nhân tố su phạm

a) Các nhân tố đầu vào của quá trình giáo dục: Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập, đồ dùng dạy học và thư viện; Sách giáo khoa và các sách tham khảo khác; Giáo viên và cán bộ quản lý và phục vụ giáo dục; Học sinh và thời gian của học sinh dùng cho học tập v.v....

b) *Quan hệ cung và cầu giáo dục*

1.2.3.2. Các nhân tố ngoài su phạm

a) *Khả năng chi trả của người học và mức thu nhập của người dân*

b) *Mức chi tiêu cho giáo dục*

c) *Tăng trưởng và phát triển kinh tế*

d) *Vị trí địa lý*

e) *Thế chế chính trị và đường lối phát triển kinh tế xã hội*

g) *Đặc điểm dân tộc, tôn giáo và xã hội khác*

1.2.4. Nội dung tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ của trẻ em nghèo

Tăng cường khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi người là tập

trung vào nhu cầu và khả năng của tất cả người dùng trong mọi tình huống, nó nhằm mục đích tăng số lượng người sử dụng dịch vụ giáo dục nhiều hơn trong khoảng thời gian dài hơn.

1.3. Kinh nghiệm về hoạch định và cung cấp dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo trên thế giới

1.3.1. Kinh nghiệm của Liên hợp quốc và Ngân hàng thế giới

1.3.2. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

1.3.3. Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Thứ nhất, cần tăng cường hơn nữa công tác phân cấp quản lý và nâng cao hiệu quả trong giáo dục của Nhà nước.

Thứ hai, cần huy động và đa dạng hóa các nguồn tài trợ như các nguồn như tài trợ của tư nhân, của các tổ chức quốc tế phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo.

Ba là, cần tăng cường sự tham gia của gia đình và các tổ chức đoàn thể xã hội trong phát triển giáo dục.

Bốn là, tăng cường các tổ chức tự chủ.

Chương 2: THỰC TRẠNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM NGHÈO TẠI TỈNH QUẢNG NGÃI

2.1. Tổng quan thực trạng nghèo và giảm nghèo của tỉnh Quảng Ngãi

2.1.1. Thực trạng nghèo của tỉnh Quảng Ngãi

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia của tỉnh Quảng Ngãi đã giảm xuống mạnh từ 23,76 năm 2001 xuống 15,40% năm 2010 [11]. Con số này nói lên rằng, trong giai đoạn 2001 - 2010, tỉnh Quảng Ngãi đã giảm được gần một nửa tỷ lệ hộ nghèo và 100% tỷ lệ hộ thiếu đói.

2.1.2. Các chính sách đối với người nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi

Theo đó, bao gồm các chính sách hỗ trợ tiếp cho người nghèo và các dự án hỗ trợ gián tiếp cho các hộ gia đình nghèo.

2.1.3. Những tồn tại trong giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ngãi

Thứ nhất, tính bền vững của công tác giảm nghèo chưa cao, tỷ lệ hộ tái nghèo còn cao, đời sống nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng thường bị thiên tai, hạn hán còn nhiều khó khăn.

Thứ hai, sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa khu vực nông thôn và thành thị; giữa các vùng kinh tế đang tồn tại với khoảng cách tương đối lớn và có xu hướng gia tăng.

Thứ ba, Quảng Ngãi vẫn là một tỉnh nghèo vì có tới 6 huyện nghèo trong số 62 huyện nghèo nhất của cả nước, trong tỉnh còn nhiều vùng nghèo với 43 xã nghèo được đầu tư thông qua Chương trình 135 giai đoạn II và tốc độ giảm nghèo đang chậm lại.

Thứ tư, tư tưởng trông chờ, ỷ lại Nhà nước do các chính sách hỗ trợ và ưu tiên đã được hưởng trong thời gian kéo dài, làm cho hộ

nghèo không có chí tiến thủ, tăng năng suất lao động, phát triển sản xuất.

2.2. Các chính sách về giáo dục cho trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi, gồm: đảm bảo chuẩn tối thiểu trong giáo dục: Xóa mù chữ và phổ cập giáo dục; các chính sách hỗ trợ vùng miền; Các chính sách hỗ trợ về tài chính: Chính sách học bổng, hỗ trợ học phí, các khoản đóng góp và tín dụng.

2.3. Các nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận dịch vụ của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi

2.3.1. Các nhân tố sự phạm

2.3.1.1. Các nhân tố đầu vào của quá trình giáo dục

a) Hệ thống trường, lớp học

Qua số liệu phân tích nêu trên cho thấy, hệ thống cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông của tỉnh Quảng Ngãi còn nhiều bất cập, thiếu về số lượng và quy mô, chất lượng chưa tốt, nhất là cấp mầm non và tiểu học. Các công trình phục vụ học tập như: thư viện, phòng thí nghiệm và các công trình phụ trợ còn thiếu quá nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế hiện nay.

b) Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa thực sự đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới. Xét về cơ cấu và số lượng giáo viên của từng cấp học, môn học, thì vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ, bất cập về loại hình. Do đó vẫn còn tình trạng giáo viên dạy tăng tiết, tăng giờ, dẫn đến quá tải, một số trường phải hợp đồng với giáo viên; vì vậy, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục.

2.3.1.2. *Quan hệ cung - cầu giáo dục*

Dịch vụ chưa đến được với trẻ em nghèo là do thiếu cầu.

2.3.2. *Các nhân tố ngoài sự phạm*

2.3.2.1. *Khả năng chi trả của người học và mức thu nhập của người dân*

Chi cho giáo dục là một khoản chi lớn trong kết cấu chi tiêu của hộ gia đình, trong khi các hộ gia đình lại nhận được khá ít sự hỗ trợ.

2.3.2.2. *Mức chi tiêu cho giáo dục*

Tỷ lệ chi cho giáo dục so với tổng chi NSNN và GDP còn thấp. Chi thường xuyên của ngân sách giáo dục quá lớn, gây khó khăn trong việc phân bổ ngân sách cho việc xây dựng và bảo dưỡng trường, lớp học.

2.3.2.3. *Về tình hình tăng trưởng kinh tế*

Mặc dù nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhưng không đồng đều giữa các ngành, các vùng; trong khi ngành công nghiệp và vùng động lực tăng nhanh thì ngành nông nghiệp và vùng nông thôn, miền núi lại tăng chậm dẫn đến chênh lệch lớn về sản xuất và đời sống giữa các vùng, các tầng lớp dân cư.

2.3.2.4. *Vị trí địa lý nơi sinh sống của hộ nghèo*

Đa phần hộ nghèo sống tập trung ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Mật độ dân cư thưa thớt đi đôi với tập quán sinh sống gắn với đồng ruộng, nương rẫy làm cho khoảng cách từ nhà đến trường khá xa, nhất là các hộ nghèo.

2.3.2.5. *Về đặc điểm xã hội của các hộ nghèo*

La động trẻ em là một vấn đề phổ biến ở các vùng nông thôn. Các em gái ở vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều khả năng sẽ bị nghỉ học ở độ tuổi sớm hơn, đặc biệt là trong giai đoạn

chuyên tiếp từ tiểu học lên trung học ở sở, để hỗ trợ công việc nhà trong gia đình của họ, cũng như việc các em kết hôn sớm hơn các em trai.

2.4. Thực trạng mức độ tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tỉnh Quảng Ngãi

2.4.1. Khả năng tiếp cận giáo dục mầm non

Có một khoảng cách lớn về tiếp cận dịch vụ GDMN giữa nhóm giàu và nhóm nghèo, và khoảng cách này đang có xu hướng tăng lên. Qua phân tích có thể nhận thấy, để cho trẻ em nghèo có khả năng tiếp cận giáo dục mầm non là hết sức khó khăn. Giáo dục mầm non là bậc học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho việc chuẩn bị cho trẻ em vào tiểu học cấp học phổ cập.

2.4.2. Khả năng tiếp cận giáo dục tiểu học, THCS và THPT

Khả năng tiếp cận giáo dục, càng lên cấp học cao, càng khó khăn hơn đối với người nghèo nếu được đánh giá qua chỉ tiêu tỷ lệ đi học đúng tuổi ở các cấp. Rõ ràng là khoảng cách phân hoá giàu nghèo càng lớn khi cấp học càng cao.

2.4.3. Đánh giá khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục thông qua chỉ tiêu tổng hợp EAAI

Đánh giá khả năng tiếp cận giáo dục bằng một chỉ tiêu tổng hợp EAAI ở Bảng 2.23 cho thấy khả năng tiếp cận giáo dục ở tỉnh Quảng Ngãi đã được cải thiện chỉ số EAAI. Với kết quả phân tích cho thấy, khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục ở tỉnh Quảng Ngãi chỉ ở mức trung bình, đối với nhóm giàu nhất ở mức khá, còn đối với nhóm nghèo nhất ở mức kém.

2.4.4. Đánh giá chung

2.4.4.1. Kết quả đạt được

Tỷ lệ nhập học tăng nhanh ở tất cả các cấp học và đã hầu như phổ cập ở cấp tiểu học. Khoảng cách giữa trẻ em giàu và trẻ em nghèo trong việc tiếp cận dịch vụ giáo dục được thu hẹp lại.

2.4.4.2. Những tồn tại và nguyên nhân

a) Những tồn tại

Thứ nhất, tiếp cận không đồng đều tới các dịch vụ và sự khác nhau đáng kể về các chỉ số kết quả.

Thứ hai, khả năng trang trải các dịch vụ giáo dục của gia đình hộ nghèo cho trẻ em nghèo còn thấp và thực tế đang giảm xuống.

Thứ ba, chất lượng dịch vụ giáo dục còn thấp.

b) Nguyên nhân

Nguyên nhân từ các nhân tố sự phạm

Một trong những nguyên nhân từ nhân tố sự phạm làm hạn chế khả năng tiếp cận giáo dục cho trẻ em nghèo là tình trạng thiếu cơ sở vật chất và đặc biệt là đội ngũ giáo viên.

Nguyên nhân từ các nhân tố ngoài sự phạm

i) *Thiếu khả năng chi trả của hộ nghèo cho trẻ em nghèo*

ii) *Chi phí cơ hội cho việc đi học của trẻ em nghèo cao*

iii) *Các nguyên nhân khác*

Sự khác biệt về địa hình, trẻ em sống xa trường cũng là những rào cản đáng kể cho trẻ em đến trường. Một rào cản khác là quan niệm của cha mẹ học sinh, nhận thức của phụ huynh về giáo dục cho con em họ dường như còn hạn chế, một số gia đình họ không có nhận thức đầy đủ về vai trò quan trọng của giáo dục đối với trẻ em.

Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG TIẾP CẬN DỊCH VỤ GIÁO DỤC CỦA TRẺ EM NGHÈO Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

3.1. Mục tiêu phát triển giáo dục tỉnh Quảng Ngãi

3.1.1. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục

Những quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục nước ta là:

- Giáo dục là quốc sách hàng đầu: Phát triển giáo dục là nền tảng, nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

- Xây dựng giáo dục có tính nhân văn, dân tộc, khoa học, hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo cơ hội bình đẳng ai cũng được học hành.

- Phát triển giáo dục phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học - công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh.

- Giáo dục là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học thường xuyên, học suốt đời.

Về quan điểm của tỉnh Quảng Ngãi, trong Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XVIII khẳng định: “Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, bậc học; chú trọng giáo dục mầm non. Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học. Tiếp tục củng cố kết quả xóa mù chữ, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở một cách bền vững và từng bước thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Đề cao trách

nhiệm của gia đình và xã hội, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong giáo dục thế hệ trẻ...” [11].

3.1.2. Mục tiêu phát triển giáo dục tỉnh Quảng Ngãi

Trong vòng 10 năm tới, phấn đấu xây dựng giáo dục tỉnh Quảng Ngãi trở thành một trong những tỉnh, thành đứng ở thứ hạng cao của cả nước về giáo dục; đáp ứng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới một xã hội học tập, có khả năng hội nhập quốc tế; đào tạo học sinh, sinh viên Quảng Ngãi có năng lực tự duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, có ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội [11].

3.2. Định hướng và mục tiêu về giáo dục cho trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi

3.2.1. Định hướng giáo dục cho trẻ em nghèo

Tỉnh Quảng Ngãi cần tổ chức thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu, chính sách chung của Trung ương về giáo dục cho người nghèo, đồng thời đã triển khai một số biện pháp cụ thể với mục tiêu tác động giảm bớt sự cách biệt trong tiếp cận giáo dục đối với trẻ em nghèo.

3.2.2. Mục tiêu về giáo dục cho trẻ em nghèo

Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDGs) [27] và khuôn khổ hành động Dakar về giáo dục cho mọi người có 8 mục tiêu cơ bản, trong đó có mục tiêu về giáo dục.

Tỉnh Quảng Ngãi đã đề ra các mục tiêu để phát triển giáo dục cho trẻ em nghèo, i) Đảm bảo cơ hội tiếp cận với chăm sóc và giáo dục mầm non cho trẻ em từ 0 - 5 tuổi, ưu tiên trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em thiệt thòi; ii) Đảm bảo rằng tất cả trẻ em đều hoàn thành một năm giáo dục tiền học đường có chất lượng để chuẩn bị cho bậc tiểu học; đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số miền núi cần được học tiếng Việt trước khi vào lớp 1; iii) Tạo điều kiện tiếp cận giáo dục tiểu học và THCS có chất lượng và ở mức phù hợp với điều kiện kinh tế cho tất cả các em, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số, trẻ em thiệt thòi và trẻ em gái.

3.3. Định hướng trong việc tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi

Tiếp tục phát triển mạng lưới trường lớp, cơ sở giáo dục. Hoàn thiện cơ cấu giáo dục quốc dân theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa trong giáo dục phổ thông. Khuyến khích và tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục. Tạo cơ hội cho mọi người, nhất là trẻ em nghèo được học thường xuyên, có ý thức học tập suốt đời. Tiếp tục nâng cao các biện pháp nhằm tạo điều kiện công bằng hơn trong giáo dục, chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ em nghèo và các nhóm yếu thế trong xã hội (bao gồm cả trẻ em gái) là một trong những trọng tâm của quá trình phát triển và mang tính quyết định đối với công cuộc xóa đói giảm nghèo. Tăng cường nguồn tài chính cho giáo dục, đào tạo.

3.4. Các giải pháp tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo tại tỉnh Quảng Ngãi

3.4.1 Giải pháp chung

3.4.1.1. Tăng tỷ trọng ngân sách dành cho giáo dục

Với nguồn lực về tài chính và tổ chức còn hạn chế, cả hai vấn đề tăng cường phân bổ ngân sách cũng như tăng cường năng lực tổ chức chỉ là hiện thực nếu như có việc định hướng lại vai trò của nhà nước đối với các dịch vụ xã hội cơ bản, bao gồm cả giáo dục.

Vì vậy, tỉnh Quảng Ngãi cần tăng mức chi cũng như mức độ sẵn sàng về khả năng chi của ngân sách cấp tỉnh cho các cấp thấp hơn trong hệ thống giáo dục, đặc biệt là ở các vùng nghèo.

3.4.1.2. Thực hiện tốt các chính sách của Chương trình giảm nghèo

Vấn đề đói nghèo được giải quyết từ ba hướng gắn bó với nhau: Tăng trưởng kinh tế bền vững, tự nó đã hạn chế phát sinh đói nghèo; tiến bộ xã hội (thể hiện ở trình độ giáo dục, dân trí) là điều kiện trực tiếp để giải quyết đói nghèo; bảo vệ môi trường đang trở thành vấn đề quan trọng tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế và an sinh xã hội. Nhà nước cần tạo lập những tiền đề, điều kiện để giải quyết vấn đề đói nghèo.

3.4.1.3. Xã hội hóa giáo dục và khuyến khích, điều tiết tham gia của khu vực ngoài nhà nước trong cung cấp dịch vụ

Xóa hội hóa giáo dục là một giải pháp quan trọng nhằm tận dụng mọi nguồn lực vào thực hiện các mục tiêu xã hội, trong đó có mục tiêu đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục và tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo.

3.4.1.4. Thu hút sự tham gia của cộng đồng và sự hỗ trợ của các gia đình đối với giáo dục

Phát triển giáo dục cho trẻ em nghèo cần đến sự hỗ trợ từ bên ngoài vì ở đây thiếu nguồn lực trầm trọng, song sự hỗ trợ nguồn lực

vẫn chưa đủ nếu không khai thác và huy động được nội lực của chính mỗi hộ gia đình, mỗi công đồng và tại mỗi khu vực. Cần đầu tư thúc đẩy nhanh việc phát triển nghề công tác xã hội để cung cấp dịch vụ trợ giúp trẻ em nghèo, trẻ em sống trong gia đình có thu nhập thấp.

3.4.1.5. Cải thiện điều kiện sống và làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Về lâu dài cần phải cải thiện chất lượng của người cung cấp dịch vụ giáo dục và cần được thực hiện bằng cải cách tiền lương. Nói chung lương còn thấp so với trung bình trong xã hội.

3.4.1.6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lợi ích do giáo dục mang lại cho người nghèo

Cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm thúc đẩy thay đổi thay đổi nhận thức về vai trò của giáo dục đối với trẻ em nghèo để cha mẹ chúng tạo điều kiện cho con cái đến trường, trong đó có cả việc hạn chế trẻ em phải lao động sớm để cải thiện thu nhập của hộ gia đình nghèo.

3.4.2. Một số giải pháp cụ thể đối với nhóm đối tượng trẻ em nghèo ở vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn và dân tộc thiểu số

Đa số trẻ nghèo dân tộc thiểu số đều sống ở vùng sâu, vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần có những giải pháp cụ thể đối với nhóm đối tượng này, cụ thể như sau:

3.4.2.1. Lồng ghép các Chương trình, dự án với phát triển giáo dục tại các vùng sâu, vùng xa, các xã đặc biệt khó khăn

Các CTMTQG: CTMTQG về xóa đói giảm nghèo, Chương trình giải quyết việc làm, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại

các xã đặc biệt khó khăn (135)... là các dự án trực tiếp tác động đến xóa đói giảm nghèo và tác động đến phát triển giáo dục tại các vùng khó khăn.

3.4.2.2. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng và khuyến khích giáo viên ở các vùng sâu, vùng xa

Việc thiếu giáo viên ở các vùng sâu, vùng xa là rất phổ biến, hơn nữa nhiều giáo viên ở các vùng khó khăn chưa được đào tạo cơ bản, gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu và dạy theo chương trình mới. Đối với vùng miền núi nơi tập trung đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống giải pháp hiệu quả nhất là tập trung đào tạo đội ngũ giáo viên là dân tộc thiểu số.

3.4.2.3. Tăng cường hơn nữa trợ giúp học sinh và cung cấp tài liệu học tập

- Tiếp tục miễn học phí cho học sinh ở các xã đặc biệt khó khăn và đề nghị miễn cả tiền đóng góp xây dựng trường cho con em hộ gia đình nghèo. Nhà nước cũng cần tăng mức sinh hoạt phí ở trường dân tộc nội trú và hỗ trợ các trường bán trú dân nuôi.

- Tiếp tục và tăng cường hơn nữa cung cấp vở học tập cho học sinh ở các xã đặc biệt khó khăn và các hộ gia đình nghèo và mở rộng việc cung cấp sách giáo khoa cho đối tượng này.

- Cần khuyến khích một khoản trợ cấp ăn hàng tháng và quần áo cho trẻ em nghèo khi phải trọ học xa nhà tại các trường dân tộc nội trú và bán trú dân nuôi để theo học các lớp cuối cấp tiểu học và THCS khi những lớp này chỉ có ở những điểm trường chính.

3.4.2.4. Xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp với từng đối tượng

Chương trình học, trước mắt nên điều chỉnh lại chương trình học cho phù hợp, một mặt đưa được kiến thức phục vụ sản xuất, mặt khác xóa được nạn mù chữ, tạo điều kiện thuận lợi hơn trong tiếp cận với kiến thức, kinh nghiệm làm ăn từ những cách thức khác như đọc sách báo hoặc học hỏi kinh nghiệm làm ăn từ người dân vùng khác.

Cần thiết là tổ chức một số lớp học ngắn hạn mang tính bắc cầu để giúp các em người dân tộc vượt qua rào cản ngôn ngữ trước khi vào lớp một.

KẾT LUẬN

Bảo đảm công bằng xã hội nói chung và công bằng trong lĩnh vực giáo dục nói riêng là một mục tiêu phát triển quốc gia. Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản là cách thức nhanh nhất để tỉnh Quảng Ngãi nâng cao được chỉ tiêu phát triển con người và phát triển bền vững. Việc nghiên cứu các giải pháp nhằm tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho trẻ em nghèo ở tỉnh Quảng Ngãi, làm sáng tỏ các xuất phát điểm về mặt lý luận và các căn cứ thực tiễn sẽ giúp ích trong việc xây dựng chính sách giáo dục hướng tới trẻ em nghèo.

Trong thời gian vừa qua, tỉnh Quảng Ngãi đã đạt được tiến bộ trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, nhiều chỉ tiêu phát triển giáo dục như tỷ lệ người lớn biết chữ, tỷ lệ nhập học ở các cấp, kể cả cho người nghèo ngày càng chuyển biến tích cực. Nguyên nhân của

những thành tựu trên là do tỉnh Quảng Ngãi đã duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng và gia tăng ngân sách cho dịch vụ giáo dục. Mặc dù đã đạt được các thành tựu đáng ghi nhận nhưng vẫn còn một số vấn đề nổi cộm trong lĩnh vực giáo dục:

Một là, sự tiếp cận không đồng đều tới giáo dục của trẻ em giữa các nhóm ngũ vị phân trên địa bàn tỉnh và sự khác nhau đáng kể về kết quả các chỉ số đánh giá. Mặc dù chính quyền tỉnh Quảng Ngãi đã tăng đầu tư cho giáo dục trong những năm vừa qua, nhưng chủ yếu từ nguồn hỗ trợ của ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, mạng lưới cơ sở giáo dục, trang thiết bị và một bộ phận đội ngũ giáo viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là bậc học mầm non và tiểu học.

Hai là, khả năng chi trả cho dịch vụ giáo dục của các hộ gia đình nghèo đối với trẻ em đang còn thấp và thực tế đang giảm xuống. Trong lĩnh vực giáo dục, chi phí đi học trực tiếp và gián tiếp ngày càng tăng đã làm cho khoảng cách tiếp cận giáo dục ngày càng gia tăng giữa các nhóm dân cư, đặc biệt là đối với bậc học trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Ba là, chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Chất lượng giáo dục đại trà chưa thực sự ổn định, thiếu bền vững; tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu vẫn còn cao, nhất là đối với 6 huyện miền núi, là những huyện nghèo nhất của cả nước. Tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn, nhất là đối với học sinh học yếu, kém, gây ảnh hưởng lớn đến tính bền vững của công tác phổ cập giáo dục. Trong bối cảnh kinh tế - xã hội thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là

việc gia nhập WTO sẽ ảnh hưởng rất lớn đến người nghèo trong việc tham gia vào quá trình phát triển, cũng như việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Theo phân tích trong đề tài, bên cạnh các nguyên nhân ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận giáo dục của người nghèo như trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, điều kiện tự nhiên tại các địa phương, các nguyên nhân chủ quan về mặt chủ trương chính sách và việc thực thi chúng có ảnh hưởng lớn đến việc tiếp cận dịch vụ giáo dục cho người nghèo.

Đề tài cũng đã đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ giáo dục cho người nghèo như định hướng lại vai trò của nhà nước và tăng cường chi tiêu thuộc lĩnh vực giáo dục, mở rộng phạm vi và tăng chất lượng dịch vụ ở những vùng nghèo nhất, giải quyết tình trạng thiếu khả năng chi trả cho các dịch vụ giáo dục, lồng ghép dân số vào kế hoạch hóa phát triển giáo dục...

Trên đây là toàn bộ nội dung của bản luận văn, mong muốn nhiều nhưng do tính chất phức tạp của vấn đề nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu cũng như khả năng hạn chế của tác giả nên chắc chắn luận văn sẽ không thể tránh khỏi những sai sót. Với tư cách là người cầu thị, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý, cũng như những ai quan tâm đến lĩnh vực này để luận văn được hoàn thiện hơn./.